| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAI LẬY**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 691/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bà T, ông T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/11/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày: Bà với ông T chung sống vợ chồng năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương vào ngày 22/10/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên dần về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, bà cố gắng giải quyết mâu thuẫn bằng cánh ngồi nói chuyện cùng chồng nhằm đưa ra giải pháp tốt nhất để vợ chồng hiểu nhau hơn và xây dựng

cuộc sống gia đình tốt đẹp hơn, nhưng giữa vợ chồng không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn kéo dài, ngày càng trầm trọng hơn, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai nên bà khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 30/12/2022, ông T đồng ý ly hôn với bà T, không có ý kiến về con chung, tài sản chung và nợ chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà T, ông T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T, ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T, ông T chung sống vợ chồng năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương vào ngày 22/10/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông T là hợp pháp. Bà T xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như trên, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai nên bà T yêu cầu xin ly hôn với ông T. Ông T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu xin ly hôn của bà T nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà T xác định không có con chung, ông T không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung, ông T không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà T ly hôn với ông T.

2. Án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017051 ngày 22/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy bà T đã thi hành xong án phí.

3. Bà T, ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Công Vĩnh Đức**